**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HCM**

**TRANG HOÀNG THIÊN TRÚC**

**THIẾT KẾ HIẾN PHÁP VÀ MỤC TIÊU BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI**

**ĐỀ CƯƠNG TIỂU LUẬN MÔN HỌC**

**LUẬT VÀ PHÁT TRIỂN**

Tp. Hồ Chí Minh – Ngày 20 tháng 05 năm 2021

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HCM**

**TRANG HOÀNG THIÊN TRÚC**

**THIẾT KẾ HIẾN PHÁP VÀ MỤC TIÊU BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số : **8380107**

ĐỀ CƯƠNG TIỂU LUẬN MÔN HỌC

LUẬT VÀ PHÁT TRIỂN

Tp. Hồ Chí Minh – Tháng 05 Năm 2021



**MỤC LỤC**

[DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT 7](#_Toc72232177)

[LỜI NÓI ĐẦU 8](#_Toc72232178)

[1. Lý do chọn đề tài 8](#_Toc72232179)

[2. Giả thuyết, câu hỏi nghiên cứu 9](#_Toc72232180)

[2.1. Giả thuyết nghiên cứu 9](#_Toc72232181)

[2.2. Câu hỏi nghiên cứu 10](#_Toc72232182)

[3. Tình hình nghiên cứu 10](#_Toc72232183)

[4. Mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu 11](#_Toc72232184)

[4.1 Mục đích nghiên cứu 11](#_Toc72232185)

[4.2 Đối tượng nghiên cứu: 11](#_Toc72232186)

[4.3 Phạm vi nghiên cứu 11](#_Toc72232187)

[5. Phương pháp tiến hành nghiên cứu, khung lý thuyết 12](#_Toc72232188)

[5.1. Phương pháp nghiên cứu: 12](#_Toc72232189)

[5.2. Khung lý thuyết: 12](#_Toc72232190)

[6. Ý nghĩa khoa học và giá trị ứng dụng của đề tài 12](#_Toc72232191)

[7. Kết cấu của Luận văn 12](#_Toc72232192)

[CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ THIẾT KẾ HIẾN PHÁP VIỆT NAM VÀ MỤC TIÊU BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI 13](#_Toc72232193)

[1.1. LỊCH SỬ RA ĐỜI VÀ CÁC ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP 13](#_Toc72232194)

[1.1.1. Lịch sử ra đời của Hiến pháp 13](#_Toc72232195)

[1.1.1.1. Hiến pháp là gì? Và vì sao phải có Hiến pháp? 13](#_Toc72232196)

[1.1.1.2. Hiến pháp xuất hiện từ bao giờ và phát triển như thế nào? 14](#_Toc72232197)

[1.1.1.3. Các hình thức tồn tại của Hiến Pháp 14](#_Toc72232198)

[1.1.2. Các đặc điểm cơ bản của Hiến pháp 15](#_Toc72232199)

[1.1.2.1. Nội dung của Hiến pháp 15](#_Toc72232200)

[1.1.2.2. Chức năng của Hiến pháp 16](#_Toc72232201)

[1.2. NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ THIẾT KẾ HIẾN PHÁP TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM 17](#_Toc72232202)

[1.2.1. Những nguyên tắc cơ bản của việc xây dựng, thiết kế Hiến pháp 17](#_Toc72232203)

[1.2.2 Quy trình thiết kế, xây dựng Hiến pháp 17](#_Toc72232204)

[1.2.3 Những chủ thể ảnh hưởng đến việc tham gia thiết kế xây dựng, sửa đổi Hiến pháp 19](#_Toc72232205)

[1.2.3.1 Vị trí và vai trò của nhân dân trong thiết kế Hiến Pháp 19](#_Toc72232206)

[1.2.3.2. Vai trò của lãnh đạo, của các tổ chức chính trị trong việc xây dựng, sửa đổi Hiến pháp 20](#_Toc72232207)

[1.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA HIẾN PHÁP VÀ QUYỀN CON NGƯỜI 21](#_Toc72232208)

[1.3.1 Khái quát chung về quyền con người 21](#_Toc72232209)

[1.3.2 Bảo vệ quyền con người là yêu cầu của Hiến pháp 22](#_Toc72232210)

[CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ MỤC TIÊU BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HIẾN PHÁP VIỆT NAM 23](#_Toc72232211)

[2.1. NHẬN XÉT CHUNG VỀ THỰC TIỄN THIẾT KẾ HIẾN PHÁP NHẰM BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY 23](#_Toc72232212)

[2.1.1. Vị trí của các quy định về quyền con người trong Hiến pháp Việt Nam 23](#_Toc72232213)

[2.1.2. Việc thiết kế Hiến pháp, ghi nhận các quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp Việt Nam so với các nước trên thế giới 24](#_Toc72232214)

[2.2. THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HIẾN PHÁP QUA CÁC THỜI KỲ 25](#_Toc72232215)

[2.2.1. Quy định về quyền con người trong Hiến pháp từ 1946 đến 1992 25](#_Toc72232216)

[2.2.2. Quy định về quyền con người trong Hiến pháp 2013 27](#_Toc72232217)

[2.2.2.1. Những quy định còn hạn chế 27](#_Toc72232218)

[2.2.2.2. Những thành tựu đã đạt được 27](#_Toc72232219)

[CHƯƠNG 3: KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN VỀ THIẾT KẾ HIẾN PHÁP VÀ VẬN DỤNG HIẾN PHÁP ĐỂ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY 29](#_Toc72232220)

[3.1. NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN CÔNG DÂN TRONG HIẾN PHÁP 2013 29](#_Toc72232221)

[3.1.1. Cách thức ghi nhận về quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp 2013 29](#_Toc72232222)

[3.1.2 Những ghi nhận mới về nội dung quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân trong Hiến pháp 2013 31](#_Toc72232223)

[3.2. KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN THIẾT KẾ HIẾN PHÁP VIỆT NAM VỀ MỤC TIÊU BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI 33](#_Toc72232224)

[3.2.1 Ý kiến kiến nghị hoàn thiện Hiến pháp Việt Nam về mục tiêu bảo vệ quyền con người 33](#_Toc72232225)

[3.2.2 Biện pháp hoàn thiện Hiến pháp Việt Nam về mục tiêu bảo vệ quyền con người 34](#_Toc72232226)

[DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 1](#_Toc72232227)

[DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT 3](#_Toc72232228)

# DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS: Bộ luật hình sự

CCHC: Cải cách hành chính

CCTP: Cải cách tư pháp

CHXHCN: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

HĐND: Hội đồng nhân dân

HĐXX: Hội đồng xét xử

HTND: Hội thẩm nhân dân

TAND: Toà án nhân dân

TCN: Trước Công nguyên

TTHS: Tố tụng hình sự

UBND: Uỷ ban nhân dân

UBTVQH: Uỷ ban Thường vụ Quốc hội

CNXH: Chủ nghĩa xã hội

VKSND: Viện kiểm sát nhân dân

XHCN: Xã hội chủ nghĩa

LHQ: Liên hợp quốc

# LỜI NÓI ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Chắc hẳn ai trong mỗi chúng ta đều có thể dễ dàng nhận thấy quyền con người là một vấn đề lớn đối với cả thế giới hiện nay. Nó không chỉ là mối quan tâm nhất thời theo từng giai đoạn mà là một vấn đề luôn được đề cao trong suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước. Mọi quốc gia dân chủ đều đặt mục tiêu bảo vệ quyền con người lên hàng đầu. Quyền con người là những quyền tự nhiên, sinh ra là con người thì phải được hưởng và các nhà nước đều phải thừa nhận quyền tự nhiên này, phải thể chế hóa pháp luật để các quyền đó được thực thi. Bảo vệ quyền con người cũng chính là tinh thần của Đảng và nhà nước Việt Nam. Có thể nói mục tiêu xây dựng Hiến pháp và bảo vệ quyền con người là những mục tiêu cơ bản của nhà nước Việt Nam hiện nay. Cụ thể, Đảng và Nhà nước ta hướng tới xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh để bảo vệ quyền con người. Do đó điều cần thiết là phải thiết kế và xây dựng một bản Hiến pháp Việt Nam tạo nên một xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, quyền lực thuộc về nhân dân và quan trọng hơn hết là mục tiêu bảo vệ quyền con người. Quyền con người là những giá trị cao quý, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, xã hội nên nhu cầu tìm hiểu kiến thức về vấn đề này ngày càng cao

Để xây dựng được một bản Hiến pháp hoàn chỉnh, thì một trong những yêu cầu hàng đầu đặt ra là phải có một hệ thống pháp luật hoàn thiện và là cơ sở cao nhất để điều chỉnh các quan hệ xã hội theo định hướng chung. Trong hệ thống pháp luật, Hiến pháp nằm ở vị trí tối thượng. Hiến pháp được coi là văn bản gốc là cơ sở nền tảng để hoàn thiện hệ thống pháp luật ở các quốc gia. Hiện nay, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều có hiến pháp. Hiến pháp là cơ sở để xác định chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội; Các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và Tổ chức bộ máy nhà nước. Thông qua các quy định thể chế trong hiến pháp, các quyền hợp pháp của con người của công dân được đảm bảo đầy đủ.

Đảm bảo bằng pháp luật là một trong những vấn đề đặc biệt quan trọng để các quyền con người và quyền công dân được thực hiện. Quyền con người và quyền công dân khi pháp luật ghi nhận sẽ trở thành quyền độc lập. Hiện nay, ở mọi quốc gia trên thế giới, với các mục đích và mọi hình thức khác nhau Hiến pháp các nước đều có các chế định về định vị pháp lý của công dân. Mặt khác, việc đảm bảo quyền con người và quyền công dân còn được thể hiện qua sự phối hợp của cộng đồng quốc tế trong việc xây dựng các cơ chế pháp lý quốc tế về bảo vệ quyền con người.

Trước năm 1945, đã có nhiều người Việt Nam lên tiếng về việc quốc gia cần có hiến pháp, tuy nhiên, điều kiện lịch sử và tương quan giữa các lực lượng chính trị khi đó không cho phép ra đời một bản hiến pháp. Trong giai đoạn hiện nay, việc hội nhập quốc tế dẫn đến yêu cầu Việt Nam phải là một quốc gia dân chủ rộng rãi, hội nhập và phát triển. Pháp luật Việt Nam phải có sự phù hợp chung với pháp luật quốc tế. Chính vì vậy, nghiên cứu vận dụng những giá trị của thế giới vào Việt Nam một cách phù hợp với tình hình xã hội là một trong những yêu cầu quan trọng đặt ra. Chính vì vậy, đề tài nghiên cứu “Thiết kế Hiến pháp nhằm mục tiêu bảo vệ quyền con người” được lựa chọn với mong muốn chỉ ra những đặc điểm, cũng như những quy trình thiết kế hiến pháp ở các quốc gia trên thế giới, nghiên cứu so sánh với hiến pháp ở Việt Nam hiện nay qua đó đánh giá những ưu điểm của Hiến pháp hiện hành, những mặt tích cực phù hợp của quy định về quyền con người hiện nay để đưa ra những giải pháp, kiến nghị, tiếp thu vận dụng những mặt ưu điểm này vào quy trình thiết kế hiến pháp vào Việt Nam nhằm tăng cường hoạt động bảo vệ quyền con người cũng như góp phần vào nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

### 2. Giả thuyết, câu hỏi nghiên cứu

#### 2.1. Giả thuyết nghiên cứu

Một trong những chức năng cơ bản của hiến pháp là bảo vệ các quyền con người, quyền công dân. Thông qua hiến pháp, người dân xác định những quyền lợi của mình mà nhà nước phải tôn trọng và bảo đảm thực hiện, cùng những cách thức để bảo đảm thực thi những quyền đó.

Với tính chất là văn bản pháp lý có hiệu lực tối cao, hiến pháp là bức tường chắn quan trọng nhất để ngăn ngừa những hành vi lạm dụng, xâm phạm quyền con người, quyền công dân, cũng như là nguồn tham chiếu đầu tiên mà người dân thường nghĩ đến khi các quyền của mình bị vi phạm. Chính vì lẽ đó, đây là công trình mới nghiên cứu có tính hệ thống và đi vào chuyên sâu so sánh các biện pháp bảo đảm quyền con người qua các bản Hiến pháp Việt Nam các thời kỳ và đưa ra nhận định, đánh giá về các quy định về quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp 2013.

#### 2.2. Câu hỏi nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sẽ làm sáng tỏ những câu hỏi như sau:

Câu hỏi thứ 1: Cơ sở lý luận chung cho việc thiết kế Hiến pháp là gì?

Câu hỏi thứ 2: Thực trạng bảo vệ Quyền con người trong Hiến pháp Việt Nam hiện nay ra sao?

Câu hỏi thứ 3: Những kiến nghị nào giúp hoàn thiện quy định về bảo vệ Quyền con người trong Hiến pháp Việt Nam hiện nay?

### 3. Tình hình nghiên cứu

Hiện nay, trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế thì Hiến pháp cần phải có bước tiến lớn trong tư duy về quyền và tư duy lập hiến, lập pháp. Trên cơ sở quy định của các Hiến pháp, hệ thống pháp luật Việt Nam không ngừng được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện theo hướng “bảo vệ công lý và quyền con người”. Một số công trình, đề tài nghiên cứu được các chuyên gia dưới các góc độ và trong phạm vi khác nhau, tiêu biểu là:

- Nguyễn Thị Báo (2005), “Đảm bảo thực hiện quyền công dân thông qua hoạt động của các cơ quan nhà nước”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp;

- Lê Cảm (2006), “Những vấn đề lý luận về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự (Phần II: Bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật hình sự)”Tạp chí Tòa án nhân dân;

- Bảo Chân (2006), “Cải cách tư pháp đặt ra những nhiệm vụ mới, đáp ứng yêu cầu hội nhập”, Tạp chí Pháp lý;

- Trần Ngọc Đường (2005), “Cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản;

- Đỗ Quang Hưng (2005), “Vấn đề “Tự do tôn giáo - nhân quyền ở Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản;

- GS.TS Nguyễn Đăng Dung (2004), Sự hạn chế quyền lực nhà nước, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội;

Một số luận văn và luận án về bảo đảm quyền con người hiện có: Luận án Tiến sĩ Luật học “Xây dựng và hoàn thiện đảm bảo pháp lý thực hiện quyền con người trong điều kiện đổi mới ở nước ta hiện nay”, (1995) của tác giả Nguyễn Văn Mạnh, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Luận án Tiến sĩ Luật học “Đảm bảo quyền con người trong hoạt động của Quốc hội Việt Nam” (2004) của tác giả Tường Duy Kiên, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh... Ngoài ra, vấn đề này còn được đề cập trong nhiều tạp chí pháp luật, tạp chí nhân quyền và các hội thảo khoa học trên toàn quốc.

Mặc dù đã có nhiều công trình về bảo đảm quyền con người nhưng nhìn chung những công trình nêu trên xuất bản cách đây đã lâu, đến nay pháp luật và thực tiễn về bảo đảm quyền con người trong Hiến pháp đã trải qua 05 bản Hiến pháp nên có rất nhiều thay đổi lớn.

### 4. Mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

#### 4.1 Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn và lý luận, đánh giá về tinh thần chủ nghĩa hiến pháp ở Việt Nam cũng như vấn đề bảo vệ quyền con người trên tinh thần chủ nghĩa hiến pháp, luận văn góp phần làm sáng tỏ các khái niệm, đặc điểm của chủ nghĩa hiến pháp và vấn đề quyền con người, thực trạng chủ nghĩa hiến pháp ở Việt Nam hiện với mục đích chỉ ra những cơ sở lý luận, đồng thời đưa ra một số ý kiến đánh giá và đóng góp xây dựng và đưa ra một số giải pháp mới.

#### 4.2 Đối tượng nghiên cứu:

Luận văn tập trung nghiên cứu: Những quy định của Nhà nước và pháp luật về thiết kế Hiến pháp, vấn đề quyền con người, và thực trạng bảo vệ quyền con người trong Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ, song song với so sánh bảo vệ quyền con người từ góc nhìn Hiến pháp các nước trên thế giới.

#### 4.3 Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Luận văn đi sâu vào nghiên cứu cơ sở lý luận về chủ nghĩa hiến pháp ở Việt Nam và vấn đề bảo vệ quyền con người. Trong đó tập trung nghiên cứu các vấn đề: khái niệm, đặc điểm của hiến pháp; khái niệm, đặc điểm về quyền con người; vai trò của thiết kế hiến pháp đối với mục tiêu bảo vệ quyền con người, những quy định của Hiến pháp Việt Nam về quyền con người, các giá trị của chủ nghĩa hiến pháp trong hiến pháp Việt Nam cũng như thực trạng chủ nghĩa hiến pháp ở Việt Nam. Thông qua đó, luận văn có thể đưa ra những giải pháp, đóng góp khoa học để sử dụng những giá trị tinh hoa của chủ nghĩa hiến pháp vào đời sống xã hội Việt Nam hiện nay.

Về thời gian: Luận văn tập trung nghiên cứu nội dung bốn bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến năm 2013.

### 5. Phương pháp tiến hành nghiên cứu, khung lý thuyết

#### 5.1. Phương pháp nghiên cứu:

Luận văn đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp lịch sử, so sánh, tổng hợp, nghiên cứu. Qua đó nghiên cứu rút ra những đánh giá, kết luận. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận văn cũng đánh giá tình hình và từ đó đề ra một số kiến nghị, giải pháp để áp dụng các giá trị của chủ nghĩa hiến pháp vào Việt Nam hiện nay để bảo vệ quyền con người.

#### 5.2. Khung lý thuyết:

Đề tài thực hiện là nhằm mục đích đi sâu vào nghiên cứu về thiết kế Hiến pháp và sự vận dụng của Hiến pháp Việt Nam nhằm đề cao vấn đề bảo vệ quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

### 6. Ý nghĩa khoa học và giá trị ứng dụng của đề tài

Luận văn được nghiên cứu nhằm phân tích được các giá trị của việc thiết kế Hiến pháp nhằm mục đích bảo vệ quyền con người ở Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, nghiên cứu chỉ ra những đặc điểm của quy trình thiết kế hiến pháp và sự phù hợp đối đặc thù nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nghiên cứu cũng đưa ra được những kiến nghị, giải pháp để sử dụng các giá trị tinh hoa của chủ nghĩa hiến pháp vào đời sống xã hội Việt Nam hiện nay nhằm nâng cao hoạt động bảo vệ quyền con người. Hiến pháp có giá trị pháp lý tối cao, nhưng người dân cũng như các cơ quan nhà nước chẳng mấy khi sử dụng, áp dụng hiến pháp trong việc giải quyết các vụ việc tranh chấp diễn ra trong xã hội. Do đó, việc đi sâu nghiên cứu thực trạng bảo đảm quyền con người trong Hiến pháp hết sức cần thiết.

### 7. Kết cấu của Luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được chia thành 3 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về thiết kế Hiến pháp Việt Nam và mục tiêu bảo vệ Quyền con người

Chương 2: Thực trạng về mục tiêu bảo vệ quyền con người trong Hiến pháp Việt Nam hiện nay

Chương 3: Kiến nghị hoàn thiện về Thiết kế Hiến pháp và vận dụng Hiến Pháp để Bảo vệ Quyền con người trong xã hội Việt Nam hiện nay.

# CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ THIẾT KẾ HIẾN PHÁP VIỆT NAM VÀ MỤC TIÊU BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI

## 1.1. LỊCH SỬ RA ĐỜI VÀ CÁC ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP

### 1.1.1. Lịch sử ra đời của Hiến pháp

#### 1.1.1.1. Hiến pháp là gì? Và vì sao phải có Hiến pháp?

Có nhiều quan điểm và định nghĩa về hiến pháp. Tuy nhiên, hiểu một cách khái quát, hiến pháp là đạo luật cơ bản của một quốc gia, dùng để xác định thể chế chính trị, cách thức tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân.

Trong hệ thống pháp luật của quốc gia, Hiến pháp là đạo luật có hiệu lực pháp lý cao nhất. Tất cả các văn bản pháp luật khác phải phù hợp, không được trái với hiến pháp. Vị trí tối cao của hiến pháp là do nó phản ánh sâu sắc chủ quyền của nhân dân và về nguyên tắc phải do nhân dân thông qua (qua hội nghị lập hiến, quốc hội lập hiến hoặc trưng cầu ý dân). Điều này khác với các đạo luật bình thường chỉ do quốc hội (nghị viện) gồm những người đại diện do dân bầu và uỷ quyền xây dựng. Lịch sử tồn tại và phát triển của hiến pháp gắn liền với lịch sử phát triển của loài người. Ngay từ thời cổ đại, ở phương Đông và cũng như phương Tây, đã có những văn bản đề cập đến những quy tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước mà đôi khi được coi như là hiến pháp, ví dụ như ở Hy Lạp. Tuy nhiên, phải đến thời kỳ Cách mạng Tư sản, do nhu cầu hoàn thiện các quy định về cách thức tổ chức bộ máy nhà nước và ghi nhận các quyền tự do của người dân để hạn chế việc lạm dụng của chính quyền mới dẫn đến sự ra đời của hiến pháp theo cách hiểu hiện đại. Trong thời đại ngày nay, sự hiện diện của hiến pháp, thành văn hoặc không thành văn, là một tiêu chí không thể thiếu của chế độ dân chủ. Hiến pháp có tác dụng khẳng định bản chất của nhà nước, bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, xác định những phương thức nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước và ngăn chặn sự xâm phạm của chính quyền lực nhà nước đến các quyền và tự do của người dân. Hiến pháp, do đó, rất cần thiết cho sự phát triển của một đất nước cũng như mỗi người dân.

#### 1.1.1.2. Hiến pháp xuất hiện từ bao giờ và phát triển như thế nào?

Kể từ Hiến pháp 1946 thiết lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lịch sử lập hiến Việt Nam đã có thêm 4 bản hiến pháp (1959, 1980, 1992 và 2013). Hiến pháp hiện hành được ban hành vào năm 2013. Ở miền Nam Việt Nam, trước năm 1975, cũng có hai bản hiến pháp được thông qua vào các năm 1956 và 1967. Mỗi bản hiến pháp đều có những đặc điểm phản ánh bối cảnh ra đời. Hiến pháp 1946 khẳng định độc lập dân tộc và chủ quyền nhân dân, phản ánh tư tưởng xây dựng một chính quyền mạnh mẽ, khẳng định khối đại đoàn kết toàn dân và bảo đảm các quyền tự do dân chủ cho nhân dân. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ (1954), với chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở miền Bắc và đấu tranh chống Mỹ ở miền Nam, Hiến pháp 1959 bắt đầu thể chế hóa con đường đi lên CNXH. Khi nước nhà thống nhất, quyết tâm tiến lên CNXH, điều này đã được thể hiện trong bản Hiến pháp 1980, chịu ảnh hưởng lớn từ mô hình hiến pháp Liên Xô cũ trên cả phương diện nội dung và hình thức .

Chủ trương cứng nhắc về CNXH và những quy định của Hiến pháp 1980 đã không tạo điều kiện thúc đẩy dân chủ, kìm hãm sự phát triển kinh tế xã hội dẫn đến khủng hoảng kinh tế, xã hội vào thập niên 80 của thế kỷ trước. Hiến pháp 1992 đã thể chế hóa chủ trương đổi mới, góp phần tạo ra động lực để nâng cao dân chủ, góp phần giải quyết khủng hoảng, thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Những nền tảng cơ bản của hiến pháp 2013, với một số sửa đổi, được duy trì cho đến nay.

#### 1.1.1.3. Các hình thức tồn tại của Hiến Pháp

Xét hình thức biểu hiện, có hai loại hiến pháp: hiến pháp thành văn và hiến pháp không thành văn. Hiến pháp thành văn được lập thành một văn bản riêng và được tuyên bố chính thức là luật cơ bản của nhà nước, có hiệu lực pháp lý tối cao. Hiện tại, hầu hết quốc gia trên thế giới có hiến pháp thành văn, do ở dạng thức này hiến pháp có nội dung rõ ràng, cụ thể, dễ áp dụng hơn hiến pháp không thành văn. Hiến pháp thành văn thông thường có một văn bản duy nhất, nhưng đôi khi ngoài văn bản chính còn kèm theo các bản tu chính (như Hiến pháp Hoa Kỳ...), hoặc văn bản khác (như Hiến pháp Cộng hoà Pháp 19581...). Hiến pháp không thành văn là tập hợp các quy phạm, tập quán và tư tưởng phản ánh những giá trị cốt lõi của một quốc gia, được thể hiện trong một số đạo luật, văn bản chính trị, pháp lý và thậm chí cả án lệ. Hiện tại chỉ có hiến pháp của một vài nước (bao gồm Anh, New Zealand, Israel) thuộc dạng này. Nước Anh là một ví dụ điển hình của dạng hiến pháp không thành văn. Căn cứ vào thủ tục sửa đổi, có thể chia hiến pháp thành hai loại “cứng” (rigid constitution) và “mềm dẻo” (flexible constitution), trong đó hiến pháp cứng đòi hỏi việc sửa đổi phải tuân theo những thủ tục đặc biệt, còn hiến pháp mềm dẻo thì có thể sửa đổi theo thủ tục lập pháp thông thường của nghị viện. Xét theo hai tiêu chí kể trên, Việt Nam có hiến pháp thành văn và thuộc dạng “mềm dẻo”.

### 1.1.2. Các đặc điểm cơ bản của Hiến pháp

#### 1.1.2.1. Nội dung của Hiến pháp

Các bản hiến pháp cổ điển (ra đời trước năm 1945), thường có nội dung ngắn gọn, xúc tích, chủ yếu tập trung vào tổ chức bộ máy nhà nước (gồm các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, mối quan hệ chính quyền trung ương với địa phương) và liệt kê các quyền con người cơ bản. Trong giai đoạn đầu, Hiến pháp cổ điển thường có nội dung hẹp (chủ yếu quy định về tổ chức bộ máy nhà nước và một số quyền cơ bản của công dân). Kể từ sau năm 1917, xuất hiện mô hình hiến pháp của các nước XHCN với nội dung rộng hơn nhiều, ngoài các vấn đề về tổ chức bộ máy nhà nước và quyền công dân, còn đề cập đến cả chế độ kinh tế, chính sách văn hoá, xã hội, khoa học, quốc phòng, an ninh. Xen giữa hai trường phái này là một dạng hiến pháp có nội dung trung hoà. Kể từ đầu thập kỷ 1980, hiến pháp hiện đại có xu hướng hiến định các cơ quan độc lập để giám sát quyền lực (hội đồng bầu cử quốc gia, hội đồng/toà án hiến pháp, ngân hàng nhà nước, cơ quan công vụ, cơ quan nhân quyền quốc gia, cơ quan chống tham nhũng quốc gia...) – những thiết chế mà trước đó ít hoặc chưa được quy định trong hiến pháp.

Các hiến pháp ra đời sau năm 1945, đặc biệt là từ sau năm 1990, thường có nội dung phong phú hơn, bao trùm nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Bên cạnh các nội dung như trong hiến pháp cổ điển, hiến pháp hiện đại thường quy định cụ thể hơn về các cơ quan nhà nước ở trung ương, quy định các cơ quan hiến định độc lập (Kiểm toán, Ủy ban Bầu cử, Ủy ban Nhân quyền...), quy định về nhiều quyền trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa... Một số hiến pháp còn quy định những nội dung mang tính chính sách, định hướng như phát triển kinh tế, văn hóa (như Hiến pháp Philippin 1986, hiến pháp các nước XHCN...). Kể từ thập kỷ 1980 trở lại đây, các bản hiến pháp hiện đại quy định ngày càng nhiều thiết chế hiến định độc lập nhằm tăng cường giám sát sự lạm quyền và phòng, chống tham nhũng, ví dụ như Hội đồng Bầu cử, Uỷ ban Nhân quyền quốc gia, Uỷ ban chống Tham nhũng quốc gia, Uỷ ban công vụ, Ombudsman, Cơ quan bảo hiến…

#### 1.1.2.2. Chức năng của Hiến pháp

HIến pháp thiết lập và trao quyền cho bộ máy nhà nước: Hiến pháp quy định cơ cấu của bộ máy nhà nước và trao quyền hạn cho các cơ quan nhà nước chính (quyền lập pháp cho Nghị viện/Quốc hội, quyền hành pháp cho Chính phủ, quyền tư pháp cho Tòa án). Chỉ khi được quy định trong hiến pháp, các cơ quan nhà nước và quyền lực của các cơ quan đó mới có tính pháp lý chính đáng.

Bên cạnh đó, Hiến pháp còn có chức năng giới hạn và kiểm soát quyền lực của các cơ quan nhà nước. Cùng với việc trao quyền, hiến pháp xác định giới hạn và cách thức sử dụng quyền lực được giao của các cơ quan nhà nước. Ngoài ra, hiến pháp còn thiết lập các cơ chế và thiết chế để giám sát, kiểm soát và xử lý việc lạm dụng quyền lực của các cơ quan nhà nước (ví dụ, cơ chế giám sát nội bộ giữa các cơ quan nhà nước; cơ chế giám sát của xã hội thông qua các quyền con người, quyền công dân; cơ chế giám sát thông qua các cơ quan hiến định độc lập).

Nhìn chung, các bản Hiến pháp đều có chức năng Bảo vệ, thúc đẩy các quyền con người, quyền công dân: Quyền con người, quyền công dân là một trong những nội dung quan trọng nhất không thể thiếu của các hiến pháp từ trước tới nay. Bên cạnh việc ghi nhận các quyền con người, quyền công dân, các hiến pháp còn quy định các cơ chế, thiết chế để bảo đảm rằng các quyền đó được tôn trọng, thực hiện trong thực tế, ví dụ như Uỷ ban nhân quyền quốc gia. Chính vì vậy, theo Alexander Hamilton: “Bản thân Hiến pháp, với ý nghĩa thực sự và mục đích hữu dụng thực sự, chính là một đạo luật về các quyền”.

Ngoài các chức năng cơ bản nêu trên, một số hiến pháp còn đóng vai trò là văn bản tuyên bố các giá trị cốt lõi của một dân tộc và những định hướng phát triển của một đất nước.

## 1.2. NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ THIẾT KẾ HIẾN PHÁP TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

### 1.2.1. Những nguyên tắc cơ bản của việc xây dựng, thiết kế Hiến pháp

Hiến pháp là một bản khế ước xã hội, thể hiện chủ quyền nhân dân thông qua việc giới hạn quyền lực của các cơ quan nhà nước và ghi nhận các quyền con người, quyền công dân. Những nguyên tắc xây dựng, sửa đổi hiến pháp phải đảm bảo được tính chất cơ bản đó của hiến pháp. Những nguyên tắc này bao gồm:

Đầu tiên Đảm bảo quyền lập hiến thuộc về nhân dân: phải đảm bảo rằng nguồn gốc của hiến pháp là chủ quyền nhân dân, là bản khế ước xã hội. Do vậy, các nội dung cũng như phương thức xây dựng, sửa đổi phải đảm bảo tính dân chủ: hiến pháp được ban hành, sửa đổi theo ý chí, nguyện vọng của nhân dân; nhân dân có quyền tham gia đầy đủ, tích cực trong quy trình lập hiến; nhân dân có quyền giám sát quy trình lập hiến; các ý kiến của nhân dân cần phải được coi trọng, tiếp thu bởi các cơ quan lập hiến; nhân dân có thể tham gia phúc quyết về hiến pháp sửa đổi…

Thứ hai là nguyên tắc Giới hạn quyền lực của các cơ quan nhà nước: hiến pháp là một đạo luật tổ chức quyền lực nhà nước, bên cạnh việc quy định các cơ cấu tổ chức nhà nước là việc xác định các giới hạn về quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước và các quyền cơ bản của con người. Do đó, các cơ quan nhà nước không được xây dựng, sửa đổi hiến pháp một cách tùy tiện, mà cần phải tuân thủ các quy trình dân chủ, được quy định trong hiến pháp. Việc sửa đổi hiến pháp được quy định rất chặt chẽ trong hiến pháp, đặt ra các giới hạn nghiêm ngặt mà các cơ quan nhà nước phải tuân thủ khi sửa đổi hiến pháp.

Thứ ba là tuân thủ Kỹ thuật lập hiến đặc thù: Việc xây dựng, sửa đổi hiến pháp đảm bảo những kỹ thuật lập hiến đặc thù như: đảm bảo chủ quyền nhân dân; phân biệt giữa quyền lập hiến và quyền lập pháp; quy định các nguyên tắc cơ bản, khái quát đặt nền tảng cho hệ thống pháp luật...

### 1.2.2 Quy trình thiết kế, xây dựng Hiến pháp

Thiết kế và xây dựng một bản hiến pháp là một quy trình đặc biệt được quy định trong chính hiến pháp. Việc đảm bảo các quy tắc giới hạn chính quyền trong việc sửa đổi hiến pháp nhằm phòng ngừa việc các cơ quan nhà nước có thể sửa đổi hiến pháp một cách tùy tiện, đi ngược lại chủ quyền nhân dân được ghi nhận trong hiến pháp.

Thiết kế hiến pháp có thể tiếp nối hiệu lực pháp lý của bản hiến pháp hiện hành (hiến pháp sau khi được sửa đổi vẫn có hiệu lực), nhưng cũng có thể là ban hành một bản hiến pháp mới. Thiết kế hiến pháp có thể tiếp nối/kế thừa những nội dung của hiến pháp hiện hành, nhưng cũng có thể đưa ra những nội dung hoàn toàn mới.Do hiến pháp là đạo luật cơ bản của quốc gia có giá trị pháp lý cao nhất, nên việc xây dựng, sửa đổi hiến pháp được quy định rất chặt chẽ trong chính hiến pháp. Thiết kế quá trình xây dựng hiến pháp có thể được chia thành hai bước: (i) Lập kế hoạch xây dựng hiến pháp lâm thời hoặc chuyển đổi, chú ý tính ổn định và gồm cả quá trình thiết lập hòa bình; và (ii) xây dựng hiến pháp cuối cùng với trọng tâm đặt vào những mục tiêu dài hạn về thể chế.

Quy trình xây dựng, sửa đổi hiến pháp thường có các bước cơ bản sau:

Bước 1: Đề xuất xây dựng, sửa đổi hiến pháp. Trong các hiến pháp Việt Nam, chỉ duy nhất Hiến pháp 1946 quy định về quyền yêu cầu sửa đổi hiến pháp. Các hiến pháp sau này cũng đều có quy định về sáng quyền sửa đổi hiến pháp.

Bước 2: Quyết định việc xây dựng, sửa đổi hiến pháp. Theo quy định của các Hiến pháp Việt Nam, việc sửa đổi hiến pháp phải được ít nhất 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội tán thành. Nghị quyết của Quốc hội về việc sửa đổi hiến pháp thường rất ngắn gọn, bao gồm hai nội dung cơ bản: thông qua chủ trương sửa đổi hiến pháp; thành lập Ủy ban sửa đổi, bổ sung hiến pháp.

Bước 3: Quyết định các nguyên tắc nền tảng của hiến pháp. Tiếp theo của quy trình lập hiến là việc xác lập các nguyên tắc nền tảng của bản hiến pháp tương lai. Đây là một hoạt động rất quan trọng có ý nghĩa định hướng cho việc xây dựng, sửa đổi hiến pháp.

Bước 4: Xây dựng Dự thảo Hiến pháp

Các nguyên tắc nền tảng của hiến pháp mới (hoặc sửa đổi) phải được cụ thể hóa thông qua hoạt động xây dựng Dự thảo hiến pháp.

Bước 5: Tham vấn nhân dân

Hoạt động tham vấn nhân dân được thực hiện trong suốt trong quy trình xây dựng, sửa đổi hiến pháp.

Bước 6: Thảo luận

Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam hiện hành, Quốc hội có chức năng lập hiến. Như vậy, mô hình lập hiến của nước ta là trao quyền làm hiến pháp, sửa đổi hiến pháp cho Quốc hội chứ không trao cho một cơ quan lập hiến đặc biệt như Hội đồng/Quốc hội lập hiến như ở một số quốc gia.

Bước 7: Thông qua

Để Dự thảo hiến pháp có hiệu lực thì nó cần phải được cơ quan có thẩm quyền thông qua. Cơ quan có quyền thông qua có thể là Quốc hội lập hiến, Hội nghị lập hiến hoặc Quốc hội lập pháp.

Bước 8: Trưng cầu ý dân về sửa đổi hiến pháp

Trừ quy định của Hiến pháp 1946, các Hiến pháp sau này của Việt Nam không quy định bắt buộc “phúc quyết toàn dân” đối với sửa đổi hiến pháp.

Bước 9: Công bố

Các Hiến pháp Việt Nam không quy định rõ hình thức công bố hiến pháp. Tuy nhiên, Chủ tịch nước có trách nhiệm công bố các Luật, Nghị quyết của Quốc hội. Điều đó có nghĩa Chủ tịch nước phải công bố hiến pháp sửa đổi (Hiến pháp là một đạo luật cơ bản) hoặc Nghị quyết sửa đổi hiến pháp. Trên thực tế, hầu hết các hiến pháp (hoặc sửa đổi hiến pháp) đều được Chủ tịch nước công bố (trừ Hiến pháp 1946 và những Sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1980 vào các năm 1988, 1989).

### 1.2.3 Những chủ thể ảnh hưởng đến việc tham gia thiết kế xây dựng, sửa đổi Hiến pháp

#### 1.2.3.1 Vị trí và vai trò của nhân dân trong thiết kế Hiến Pháp

Hiến pháp là bản khế ước xã hội, phản ánh ý chí, nguyện vọng của nhân dân, do đó nhân dân có vai trò quan trọng trong việc xây dựng, sửa đổi hiến pháp. Có thể dễ dàng nhận thấy rằng, nhân dân có tính chất đa dạng nên rất khó trực tiếp soạn thảo, sửa đổi và thông qua hiến pháp. Do đó, việc xây dựng, sửa đổi hiến pháp thường được tiến hành thông qua những hình thức như Quốc hội lập hiến, Ủy ban Hiến pháp, Hội nghị quốc gia, các cuộc tranh luận bàn tròn, tham vấn nhân dân, trưng cầu ý dân..., trong đó có sự tham gia của nhiều chủ thể, bao gồm các cơ quan nhà nước, các đảng phái, tổ chức xã hội và người dân. Tuy nhiên, mọi hình thức đã nêu đều phải có sự ủy quyền của nhân dân. Vai trò của việc người dân tham gia vào quá trình xây dựng hiến pháp ngày càng được ghi nhận. Quan điểm chung cho rằng tính hợp thức của quá trình xây dựng hiến pháp và kết quả của nó chỉ có được khi người dân được tham vấn và ý kiến của họ được quan tâm. Việc người dân có thể tham gia một cách dân chủ vào xây dựng hiến pháp sẽ cải thiện mối quan hệ giữa họ và chính phủ. Một cuộc trưng cầu dân ý sẽ làm tăng tính minh bạch và tin cậy bằng cách chia sẻ thông tin về hiến pháp cũng như quá trình xây dựng hiến pháp với cộng đồng.

Bên cạnh đó cũng tồn tại một số điểm bất cập như sự tham gia của người dân vào quá trình này đòi hỏi chi phí tương đối cao, có thể tiêu tốn nguồn kinh phí vốn hạn hẹp mà có khả năng không tạo nên tính chính danh của bản hiến pháp. Các lực lượng chính trị có thể thao túng việc tham gia này bằng cách định hướng các câu hỏi cho cộng đồng hoặc thông qua những chiến dịch tác động đến việc bầu cử. Trong những xã hội đã bị chia rẽ bởi phân biệt chính trị, sự tham gia của người dân trở nên khó khăn, thì nhóm đa số về dân tộc hoặc tôn giáo có thể chấp nhận hoặc bác bỏ những đề xuất hiến pháp mà không cần đến ý kiến của nhóm còn lại. Sự tham gia của người dân có thể tăng thêm tính hợp thức cho các biện pháp dân túy nhưng lại xâm phạm quyền của các nhóm thiểu số. Ngoài ra, tham vấn nhân dân và trưng cầu ý dân là những hình thức đặc thù đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng, sửa đổi hiến pháp.

#### 1.2.3.2. Vai trò của lãnh đạo, của các tổ chức chính trị trong việc xây dựng, sửa đổi Hiến pháp

Xây dựng hiến pháp không thể thiếu vai trò của người lãnh đạo. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để thúc đẩy vai trò của người lãnh đạo cấp cao trong suốt quá trình xây dựng hiến pháp mà không hạn chế vai trò của những người khác. Đó có thể là ví dụ về các nguyên tắc sử dụng vai trò lãnh đạo trong những thời điểm chiến lược hơn là trong những phiên làm việc cụ thể. Hoặc đó có thể là ví dụ về sự lãnh đạo nhằm thúc đẩy phát triển hoặc tạo nên sự ngưng trệ. Hơn thế nữa, người lãnh đạo còn phải đáp ứng những đòi hỏi của nhóm và người ủng hộ họ. Có rất nhiều người lãnh đạo ảnh hưởng đến quá trình xây dựng hiến pháp mặc dù họ không xuất phát từ hoạt động chính trị. Các nhà lập hiến cần hiểu rằng trong từng trường hợp, tại sao có những người ủng hộ, cũng có những người phản đối hoặc ngần ngại trong quá trình này và với những điều kiện thỏa hiệp nào giữa các bên thì có thể đảm bảo hoàn thành việc xây dựng hiến pháp.

Mặc dù các tổ chức chính trị (các đảng phái chính trị) thường không được hiến pháp trao cho sáng quyền lập hiến, nhưng vì hiến pháp là đạo luật của nhân dân, mà nhân dân với tính chất đa dạng không thể trực tiếp soạn thảo và thông qua hiến pháp, cần phải có những tổ chức được thành lập ra từ nhân dân với chức năng tập hợp, vận động nhân dân, tạo nền tảng nên một bản dự thảo hiến pháp. Các đảng phái tham gia vào quy trình lập pháp thông qua nhiều hình thức như: cử đại diện vào các cơ quan lập hiến, thảo luận, đề xuất các phương án, ý kiến xây dựng, sửa đổi hiến pháp...Để tránh khả năng lạm quyền của các lực lượng chính trị lớn trong việc sửa đổi hiến pháp, các nhà lập hiến thường quy định các quy tắc chặt chẽ cho việc đề xuất, thảo luận và thông qua hiến pháp. Sự ra đời của những bản hiến pháp cương tính rất khó được sửa đổi là nhằm hướng tới mục đích này.

Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay và Đảng Lao động Việt Nam trước đây, mặc dù không được Hiến pháp quy định là một chủ thể có quyền sáng lập Hiến pháp, tuy nhiên với tư cách là chính đảng cầm quyền nên các chủ thể này luôn là chủ thể quan trọng nhất cho việc thiết kế và xây dựng Hiến pháp.

## 1.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA HIẾN PHÁP VÀ QUYỀN CON NGƯỜI

### 1.3.1 Khái quát chung về quyền con người

Quyền con người và quyền công dân có những điểm khác nhau cơ bản. Cụ thể, Quyền con người (human rights) thường được hiểu là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ bởi pháp luật quốc gia và quốc tế. Trong khi đó, Quyền công dân (citizen’s rights) là những quyền con người được các nhà nước thừa nhận và áp dụng cho công dân của mình. Quyền con người là những quyền tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế.

Với ý nghĩa là một khái niệm gắn liền với nhà nước, thể hiện mối quan hệ giữa công dân với nhà nước, được xác định thông qua chế độ quốc tịch, quyền con người là tập hợp những quyền tự nhiên được pháp luật của một nước ghi nhận và bảo đảm. Quyền con người không bị bó hẹp trong mối quan hệ giữa cá nhân với nhà nước mà thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân với toàn thể cộng đồng nhân loại. Về phạm vi áp dụng, do không bị giới hạn bởi chế định quốc tịch, chủ thể của quyền con người là tất cả các thành viên của gia đình nhân loại, bất kể vị thế, hoàn cảnh, nơi cư trú... Nói cách khác, quyền con người được áp dụng một cách bình đẳng với tất cả mọi người thuộc mọi dân tộc đang sinh sống trên phạm vi toàn cầu, không phụ thuộc vào biên giới quốc gia, tư cách cá nhân hay môi trường sống của chủ thể quyền. Ví dụ, một người nước ngoài sẽ không được hưởng một số quyền công dân, chẳng hạn như quyền bầu cử, ứng cử... tuy nhiên, người đó vẫn được hưởng các quyền con người phổ biến áp dụng cho mọi thành viên của nhân loại trong mọi hoàn cảnh, cụ thể như quyền sống, quyền tự do và an ninh cá nhân...

Từ quan điểm chung của cộng đồng quốc tế về quyền con người, đơn giản chỉ là các quyền dễ bị xâm phạm và cần phải được bảo vệ đặc biệt hơn so với các quyền khác. Chính vì vậy, hiến pháp của một số quốc gia (ví dụ như Hoa Kỳ, Liên bang Nga..) có quy định nêu rõ, việc hiến định các quyền không có nghĩa là coi nhẹ các quyền không hiến định.

### 1.3.2 Bảo vệ quyền con người là yêu cầu của Hiến pháp

Quyền con người là những quyền cơ bản nhất của con người, được có một cách tự nhiên gắn bó mật thiết với con người - một động vật cao cấp có lý trí, và có tình cảm làm cho con người khác với các động vật khác, mà nhà nước thành lập với một trong những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của mình là phải bảo vệ những quyền đó. Cũng vì lẽ tự nhiên đó, quyền con người luôn là mục tiêu của Hiến pháp mỗi quốc gia. Quyền con người luôn gắn liền với Hiến pháp. Hiến pháp không những chỉ là văn bản quy định việc tổ chức nhà nước, mà còn bảo đảm việc thực hiện quyền con người, quyền công dân. Do vậy, việc thực thi Hiến pháp cũng chính là bảo đảm thực thi quyền con người.

# CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ MỤC TIÊU BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HIẾN PHÁP VIỆT NAM

## 2.1. NHẬN XÉT CHUNG VỀ THỰC TIỄN THIẾT KẾ HIẾN PHÁP NHẰM BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

### 2.1.1. Vị trí của các quy định về quyền con người trong Hiến pháp Việt Nam

Quyền con người được diễn đạt dưới nhiều giác độ khác nhau, tùy thuộc vào bối cảnh xã hội, văn hóa tín ngưỡng - tôn giáo; mục tiêu và định hướng của mỗi thể chế chính trị, mỗi kiểu nhà nước, quan điểm của từng giai cấp cầm quyền; hoàn cảnh và nhu cầu của mỗi cá nhân và của từng ngành khoa học như; triết học, chính trị học, luật học, xã hội học...Trong lịch sử lập hiến của Việt Nam, quyền của con người luôn được cụ thể hóa bằng những quyền cơ bản của công dân (do được ghi nhận trong hiến pháp) và bao giờ cũng được xem là một chế định pháp luật rất quan trọng - đây là một trong những chế định thể hiện bản chất dân chủ, tiến bộ của một nhà nước, thể hiện mối quan hệ giữa Nhà nước với công dân cùng với các cá nhân trong xã hội. Thông qua đó, có thể xác định được mức độ dân chủ của một nhà nước, một xã hội. Vì vậy, những nhà lập pháp Việt Nam luôn hoàn thiện chế định pháp luật về quyền cơ bản của công dân trong đạo luật cơ bản của Nhà nước là Hiến pháp và luôn gắn liền với nghĩa vụ của công dân. Hình thức phổ biến nhất của việc quy định các quyền con người, quyền công dân là nằm trong một chương của hiến pháp. Nhiều quốc gia đặt chương thứ hai, sau chương thứ nhất về các nguyên tắc chung, đề cập đến các quyền con người. Trong các hiến pháp của Việt Nam, nội dung về quyền con người cũng nằm trong một chương của hiến pháp. Trong Dự thảo Hiến pháp 1992 sửa đổi năm 2013, nội dung quyền con người đã được đặt tại Chương II.

Hiến pháp Việt Nam 1992, tại Điều 50, lần đầu tiên nhắc đến khái niệm “quyền con người”. Tuy nhiên, điều khoản này lại đồng nhất quyền con người với quyền công dân. Nhìn chung, quyền công dân trong các lĩnh vực chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được Hiến pháp 1992 quy định tương đối đầy đủ. Chẳng hạn các quyền về dân sự như quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo (Điều 70), quyền bất khả xâm phạm về thân thể (Điều 71), quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, thư tín, điện thoại (Điều 72) ...; các quyền chính trị như tự do ngôn luận, tự do báo chí (Điều 69)...; các quyền kinh tế như quyền lao động (Điều 55), quyền tự do kinh doanh (Điều 57) ...Mặc dù vậy, vẫn còn một số quyền quan trọng trong luật nhân quyền quốc tế mà đã được ghi nhận phổ biến trong hiến pháp trên thế giới nhưng chưa được ghi nhận trong Hiến pháp 1992, ví dụ như quyền sống, quyền tự do tư tưởng, quyền thành lập, gia nhập công đoàn, quyền bãi công...Trong số những quyền này, quyền sống đã được bổ sung vào Dự thảo Hiến pháp 1992 sửa đổi năm 2013.

### 2.1.2. Việc thiết kế Hiến pháp, ghi nhận các quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp Việt Nam so với các nước trên thế giới

Tại một số quốc gia trên thế giới, các quy định về quyền con người nằm trong một văn bản độc lập, được coi như cấu phần của hiến pháp. Chẳng hạn như Tuyên ngôn nhân quyền (1689) và Luật về nhân quyền (2008, dẫn chiếu đến các quyền trong Công ước nhân quyền châu Âu) của nước Anh, hoặc Tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền (1789) được coi là một cấu phần trong Hiến pháp 1958 của Cộng hoà Pháp.

Trên thế giới, các bản hiến pháp cổ điển chủ yếu chỉ đề cập các quyền dân sự (an toàn thân thể, quyền sở hữu, quyền tự do tôn giáo, tự do đi lại, cư trú ...) và các quyền chính trị (tự do ngôn luận, hội họp, quyền bầu cử và ứng cử...). Các bản hiến pháp hiện đại mở rộng phạm vi các quyền con người, bao gồm cả các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa và các quyền của nhóm (phụ nữ, trẻ em, người thiểu số, người nước ngoài..).

Uỷ ban Hiến pháp là các cơ quan trực tiếp tiến hành công việc đánh giá các vấn đề hiến pháp hiện hành (hoặc trước đó) và soạn thảo một hiến pháp mới. Việc lập một Uỷ ban sửa đổi hiến pháp thuộc Quốc hội cũng được nhiều nước lựa chọn. Để đảm bảo tính dân chủ của hiến pháp, nhiều nước mở rộng tính đa dạng trong thành phần của Uỷ ban Hiến pháp. Ví dụ như ở Thái Lan năm 1995, Uỷ ban sửa đổi hiến pháp được thành lập để soạn thảo một bản hiến pháp mới. Uỷ ban gồm 89 thành viên, trong đó 66 thành viên được chọn từ các tỉnh, mỗi tỉnh một đại diện. Số còn lại là các chuyên gia trong các lĩnh vực pháp luật, chính trị và hành chính công, được đề cử bởi các trường đại học và được thông qua bởi Nghị viện. Ở Việt Nam, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân luôn được tôn trọng và bảo đảm. Cùng với việc ghi nhận quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013, Đảng và Nhà nước ta đã thực thi nhiều chính sách bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và tham gia hầu hết các điều ước quốc tế về quyền con người như Công ước quốc tế về loại trừ các hình thức phân biệt chủng tộc năm 1965, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966, Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966, Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979, Công ước về quyền trẻ em năm 1989, Công ước về quyền của người khuyết tật năm 2006 v.v… và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, to lớn, góp phần xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”, đóng góp vào cuộc đấu tranh chung vì mục tiêu hòa bình và tiến bộ xã hội của toàn nhân loại.

## 2.2. THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HIẾN PHÁP QUA CÁC THỜI KỲ

Qua các thời kỳ, nước ta đã ban hành 05 bản Hiến pháp (năm 1946, năm 1959, năm 1980, năm 1992, năm 2013). Mỗi bản Hiến pháp đều gắn liền với một giai đoạn phát triển của đất nước.

### 2.2.1. Quy định về quyền con người trong Hiến pháp từ 1946 đến 1992

Hiến pháp năm 1946 được Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua ngày 09/11/1946 với 7 chương và 70 Điều. Trong đó, chương “Quyền và nghĩa vụ của công dân” được xếp thứ 2 gồm 18 Điều. Lần đầu tiên trong lịch sử Hiến pháp đã ghi nhận quyền bình đẳng dân tộc trong đạo luật có giá trị pháp lý cao nhất. Ngoài ra, Hiến pháp cũng quy định đàn bà ngang quyền với đàn ông trên mọi phương diện, có quyền tự do ngôn luận, quyền tư hữu tài sản được bảo đảm,... Hiến pháp năm 1959 được thông qua ngày 31/12/1959, bao gồm 10 chương 112 Điều, trong đó Quyền và Nghĩa vụ của công dân được quy định tại chương III, bao gồm 21 Điều. So với Hiến pháp 1946 thì Hiến pháp 1959 đã bổ sung những quy định mới về quyền con người Một điều đáng lưu ý, Hiến pháp 1946 đề cao vai trò của nhân dân trong quá trình lập hiến, theo đó nhân dân có quyền phúc quyết Hiến pháp. Tuy nhiên, Hiến pháp 1959, 1980 và 1992 sau này đều bãi bỏ quyền này. Đây là một quyền dân chủ trực tiếp rất quan trọng của công dân và tác giả kiến nghị nên được khôi phục lại.  
Với sự thay đổi của nền kinh tế - xã hội, Hiến pháp 1959 ra đời phần nào đã khắc phục được những hạn chế, những điều khoản không còn phù hợp với tình hình của Hiến pháp năm 1946. Hiến pháp 1959 có thể xem như là một bước tiến mới trong kỹ năng lập hiến cũng như thiết kế Hiến pháp của Nhà nước Việt Nam.   
So với Hiến pháp 1946 và 1959 thì quyền con người thể hiện trong Hiến pháp 1980 ngày càng hoàn thiện và chặt chẽ hơn, các Điều luật ngày càng cụ thể hơn, đồng thời tiếp thu có chọn lọc và kế thừa các quy định từ các bản Hiến pháp trước đó. Nếu như Hiến pháp năm 1946 quy định quyền bình đẳng tại Điều 6 đến Điều 9 thì đến Hiến pháp năm 1980, đối với quyền bình đẳng nam, nữ (Điều 63), Hiến pháp bổ sung bốn điểm mới. Không chỉ là nội dung ngày càng hoàn thiện mà số lượng các điều khoản ở Hiến pháp 1980 cũng nhiều hơn so với bản Hiến pháp trước. Nếu trước đây, ở Hiến pháp năm 1946 chỉ có 18 Điều quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân thì ở Hiến pháp năm 1959 là 21 Điều và Hiến pháp năm 1980 là 29 Điều. Hiến pháp 1992 ra đời, có những điểm mới phù hợp hơn các bản Hiến pháp trước đó. Lần đầu tiên, thuật ngữ “quyền con người” được thừa nhận trong Hiến pháp. Số lượng các quyền và nghĩa vụ ghi nhận trong chương về Quyền và Nghĩa vụ cơ bản của công dân cũng có bước phát triển, không chỉ so với các bản Hiến pháp trước mà còn so với Hiến pháp của các nước. Nếu Hiến pháp 1946 có 28 Điều về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, Hiến pháp 1959 có 21 Điều, Hiến pháp 1980 có 28 Điều thì Hiến pháp 1992 có 34 Điều trong tổng số 147 điều của toàn bộ Hiến pháp. Cũng chính vì việc tăng các Điều luật hơn so với các bản Hiến pháp trước đó mà quyền công dân ở Hiến pháp 1992 được mở rộng hơn so với các bản Hiến pháp trước.   
Những thay đổi đó thể hiện kỹ thuật lập hiến ngày một nâng cao. Cũng như các bản Hiến pháp năm 1946, 1959 hay 1980, các quyền của công dân được quy định trong Hiến pháp 1992 đã được bổ sung và cụ thể hóa hơn để đi đến hoàn thiện.  
Mặc dù Hiến pháp năm 1992 đã thừa nhận thuật ngữ “quyền con người” - thông qua quy định “quyền con người về chính trị, dân sự và kinh tế, văn hóa, xã hội được thể hiện trong quyền công dân” tại Điều 50, Hiến pháp năm 1992 lại chưa phân biệt rạch ròi được quyền con người với các quyền cơ bản của công dân. Khái niệm quyền con người trong Hiến pháp Việt Nam 1992 được đồng nhất với quyền công dân (Điều 50). Việc đồng nhất này là không chính xác, vì con người là một khái niệm rộng hơn công dân. Tuy nhiên, một số hạn chế này đã được khắc phục trong Dự thảo Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2013.

### 2.2.2. Quy định về quyền con người trong Hiến pháp 2013

#### 2.2.2.1. Những quy định còn hạn chế

Hiến pháp Việt Nam, kể cả Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 2013 đều không có quy định về những quyền không thể bị hạn chế, giới hạn (non-derogable rights) cũng về những điều kiện và phạm vi được hạn chế, giới hạn quyền trong bối cảnh khẩn cấp của quốc gia (state of emergency). Đây là những quy định trong hiến pháp của nhiều nước nhằm ngăn ngừa việc lợi dụng những quy định về giới hạn của quyền để vi phạm nhân quyền. Ngoài ra, cả Hiến pháp hiện hành và Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 2013 đều chưa đề cập đến nghĩa vụ của các cơ quan, viên chức nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, cũng như không quy định về các cơ chế mà người dân có thể sử dụng để khiếu nại khi bị vi phạm các quyền. Dự thảo Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2013 quy định về một số nghĩa vụ gây tranh cãi về tính logic và thực tiễn. Cụ thể, các nghĩa vụ học tập, thực hiện các quy định về vệ sinh phòng bệnh, vệ sinh công cộng, tôn trọng và bảo vệ tài sản của nhà nước, lợi ích công cộng. Hiến pháp Việt Nam 1992 chưa quy định về việc giới hạn quyền con người, quyền công dân. Tuy nhiên, trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 2013 tại khoản 2 Điều 15 nêu rằng “quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị giới hạn trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức, sức khỏe của cộng đồng.” Việc quy định về giới hạn quyền là cần thiết, nhưng đặt quy định này như một nguyên tắc tổng quát ở ngay điều khoản đầu tiên của chương về quyền con người lại là không phù hợp với luật nhân quyền quốc tế. Đó là bởi việc giới hạn chỉ có thể áp dụng đối với một số quyền nhất định, ngoài ra, có nhiều quyền con người (như quyền sống, quyền không bị tra tấn, không bị đối xử vô nhân đạo hay hạ nhục, quyền tự do tư tưởng...) là các quyền tuyệt đối, nhà nước không được giới hạn trong bất kỳ hoàn cảnh hay vì bất kỳ lý do nào. Hơn thế, việc hạn chế, nếu áp dụng với các quyền nhất định, không được trái với bản chất của quyền bị giới hạn, phải được luật quy định rõ ràng và phải là cần thiết trong một xã hội dân chủ, với mục đích duy nhất là để thúc đẩy lợi ích chung của cộng đồng và các quyền, tự do chính đáng của người khác.

#### 2.2.2.2. Những thành tựu đã đạt được

Hiến pháp năm 2013 đã có sự phân biệt giữa “quyền con người” và “quyền công dân”. Trong Hiến pháp sửa đổi, khi nói đến quyền con người thì dùng từ “mọi người”, khi nói đến công dân Việt Nam thì dùng từ “công dân”. Quy định này thể hiện sự phát triển quan trọng về nhận thức và tư duy trong việc ghi nhận quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp. Theo quy định tại Điều 14, không ai được tùy tiện cắt xén, hạn chế các quyền, ngoại trừ các trường hợp cần thiết nói trên do Luật định. Hiến pháp năm 2013 đã chuyển chương quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân từ “*vị trí*” Chương V (Hiến pháp năm 1992) lên “*vị trí*” Chương II (Hiến pháp năm 2014), tăng hai điều, từ ba mươi tư điều (từ Điều 49 đến Điều 82 – Hiến pháp năm 1992) lên ba mươi sáu điều (từ Điều 14 đến điều 49 – Hiến pháp năm 2013), tăng mười tám điều so với Hiến pháp năm 1946, tăng mười lăm điều so với Hiến pháp năm 1959 và tăng bảy điều so với Hiến pháp năm 1980. Trong đó, có năm điều mới (là những điều: Điều 19, Điều 34, Điều 41, Điều 42, Điều 43), sửa đổi, bổ sung 28 điều (là những điều: từ Điều 14 đến Điều 18, Điều 20 đến Điều 33, Điều 35 đến Điều 40, Điều 45, Điều 47, Điều 48), giữ nguyên ba điều là Điều 44, Điều 46, Điều 49, trong những nội dung được sửa đổi bổ sung đó có những nội dung cực kỳ quan trọng.  
 Ngoài ra, quyền con người không chỉ đề cập ở chương II mà ở nhiều chương khác như chương về Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân. Như vậy, bộ máy nhà nước được lập ra để bảo vệ quyền con người. Cách tiếp cận quyền con người này thể hiện sự kế thừa và tiếp thu quan điểm tiến bộ của các nước trên thế giới.  
 Có thể nói, Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 đã thể hiện được ý Đảng, lòng dân, là sự kết tinh của tinh thần dân chủ, đổi mới, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền trong thời kỳ mới. Hiến pháp năm 2013 đã tiếp tục sử dụng khái niệm “*quyền con người*” với nội dung chính trị - pháp lý rộng hơn để phản ánh giá trị của cá nhân con người, góp phần củng cố lý luận về quyền con người, quyền công dân, làm cơ sở để tiếp tục nghiên cứu về vấn đề này cũng như áp dụng vào thực tiễn. Có thể nói, Hiến pháp năm 2013 như một “*làn gió mới*” tiếp tục khẳng định chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, tiếp thu có chọn lọc phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam đối với các qui định về quyền con người trong các văn bản pháp luật quốc tế, ghi nhận một số quyền mới. Cách bố trí này có phần giống với cách bố trí của Hiến pháp năm 1946. Bên cạnh đó, Hiến pháp năm 2013 cũng ghi nhận lại những quyền và nghĩa vụ mà Hiến pháp năm 1992 đã ghi nhận bằng cánh ghi nhận đổi mới theo hướng vĩ mô, tinh gọn, bao quát vấn đề hơn cách ghi nhận của các bản Hiến pháp trước đó.

# CHƯƠNG 3: KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN VỀ THIẾT KẾ HIẾN PHÁP VÀ VẬN DỤNG HIẾN PHÁP ĐỂ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY

Ngày 28/12/2013 Quốc hội đã thông qua Hiến pháp sửa đổi. Bản Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2014. Hiến pháp sửa đổi lần này có nhiều điểm mới về nội dung và cách thức thể hiện. Trong đó có những điểm mới, những điểm đã được sửa đổi, bổ sung trong chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân của Hiến pháp sửa đổi.

## 3.1. NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN CÔNG DÂN TRONG HIẾN PHÁP 2013

### 3.1.1. Cách thức ghi nhận về quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp 2013

Hiến pháp sửa đổi có những điểm mới về cách thức ghi nhận quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Tiếp tục kế thừa và phát triển những quy định của các bản Hiến pháp trước đây về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, Hiến pháp năm 2013 đã có những đổi mới căn bản, quan trọng cả về cơ cấu, bố cục, cách viết và nội dung. So sánh, đối chiếu với các bản Hiến pháp trước đây, đặc biệt là Hiến pháp năm 1992, chúng ta càng thấy rõ điều đó.

Về tên gọi của Chương II, lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến, đã được thay đổi với “quyền con người” trở thành tiêu đề của tên Chương, thay vì chỉ gọi là “quyền và nghĩa vụ của công dân” như tất cả các bản Hiến pháp trước đây. Sự bổ sung cụm từ “quyền con người” này là vô cùng quan trọng và có ý nghĩa lớn trong bối cảnh phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Đây không chỉ đơn thuần là sự bổ sung một cụm từ mang tính kỹ thuật lập hiến, mà điều quan trọng là phản ánh một tư duy lập hiến phát triển, phù hợp với xu hướng của dân tộc, thời đại và nhân loại. Bằng việc sử dụng cụm từ “quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân”, thay cho cụm từ “quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân” vốn được sử dụng cho tên Chương ở tất cả các bản Hiến pháp trước đó, Hiến pháp năm 2013 đã chính thức nâng tầm chế định của Quyền con người trở thành một Chương, chứ không chỉ là một nội dung của Chương trong Hiến pháp. Hiến pháp 2013 cũng lần đầu tiên xóa bỏ ranh giới còn chưa rõ ràng và nhầm lẫn giữa khái niệm quyền con người và quyền công dân. Đồng thời, nó cũng ghi nhận việc mở rộng các chủ thể của quyền, khẳng định chủ thể rộng nhất của các quyền con người là mọi cá nhân, mọi người và tất cả mọi người đều xứng đáng được hưởng. Việc đổi tên Chương chế định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân trong Hiến pháp 2013 thể hiện nỗ lực và cam kết mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện các Công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên cũng như trước cộng đồng quốc tế.

Sự đổi mới về cách thức ghi nhận quyền con người, quyền công dân nhằm khắc phục cách thức quy định theo kiểu Nhà nước ban phát, Hiến pháp sửa đổi đã ghi nhận các quyền theo cách: Con người có quyền, công dân có quyền. Điều này có nghĩa là bản thân con người, công dân có các quyền này chứ không phải là sự ban phát, trao quyền của công quyền. Trong một số điều, sau khi ghi nhận quyền của con người, quyền của công dân, có viết: Việc thực hiện quyền... theo quy định của luật/theo quy định của pháp luật, chứ không phải theo cách quy định của Hiến pháp năm 1992 là: “Công dân có quyền theo quy định của pháp luật”. Bởi lẽ, các quyền là của con người, của công dân. Hiến pháp công nhận, ghi nhận các quyền này. Để con người, công dân thực hiện tốt các quyền thì Nhà nước ban hành luật/pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho công dân, con người thực hiện các quyền, chứ không phải ban hành luật/pháp luật là để cản trở, tước đoạt quyền con người, quyền công dân. Bên cạnh đó, các quyền và các nghĩa vụ là của tất cả mọi người (trong đó, đương nhiên là có công dân), chỉ có một số ít các quyền và nghĩa vụ là của riêng công dân Việt Nam. Vì vậy, Hiến pháp sửa đổi đã viết theo cách: Mọi người có quyền..., mọi người có nghĩa vụ... Một số quyền chỉ là quyền của công dân thì ghi: Công dân có quyền...; nghĩa vụ nào chỉ là của công dân Việt Nam thì ghi: Công dân có nghĩa vụ.

Một điểm cần nhấn mạnh nữa là, bỏ cách quy định: Quyền con người về chính trị, dân sự và kinh tế, văn hóa, xã hội được thể hiện trong quyền công dân như trong Điều 50 của Hiến pháp năm 1992 vì quyền con người có nội hàm rộng hơn quyền công dân, không nên nhập chung quyền con người với quyền công dân.

Chương Quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân là chương thứ hai trong Hiến pháp sau Chương I Chế độ chính trị. Điều này thể hiện quan điểm, nhận thức và quyết tâm của xã hội Việt Nam, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam thực hiện cam kết tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. Tại Điều 3 trong chương I Chế độ chính trị đã ghi nhận quan điểm, chính sách của Nhà nước Việt Nam là công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người. Từ đây đặt ra nghĩa vụ của tất cả mọi chủ thể ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều phải công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người. Trong Chương II Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân các điều được sắp xếp theo thứ tự sau đây:

Đầu tiên là các điều ghi nhận các nguyên tắc bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân ở nước ta, như là: Quy định về nguyên tắc hạn chế quyền con người, quyền công dân từ Điều 14 đến Điều 17; Tiếp theo, các điều ghi các quyền về dân sự, chính trị, bao gồm: Quyền sống của con người từ Điều 20 đến Điều 31. Các điều quy định về các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa: Từ Điều 32 đến Điều 43; Các điều quy định về nghĩa vụ của công dân từ Điều 44 đến Điều 47. Bên cạnh các nghĩa vụ được nêu ra trong các điều nói trên, trong chương II có có một số điều khác quy định về nghĩa vụ. Các quy định tại chương III của Hiến pháp sửa đổi về chính sách phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường có vai trò rất quan trọng đối với thực hiện quyền con người, quyền công dân. Đây chính là điều kiện để bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân.

### 3.1.2 Những ghi nhận mới về nội dung quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân trong Hiến pháp 2013

Hiến pháp 2013 sửa đổi quy định: việc hạn chế quyền con người, quyền công dân dứt khoát phải được quy định bằng Luật, không phải bằng văn bản dưới luật. Hiến pháp mới bổ sung một số quyền mới, thể hiện bước tiến mới trong việc mở rộng và phát triển quyền, phản ảnh kết quả của quá trình đổi mới ở nước ta. Việc ghi nhận các quyền mới này hoàn toàn phù hợp với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên, thể hiện nhận thức ngày càng rõ hơn về quyền con người và khẳng định cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc thực hiện quyền con người.

Về nội dung, chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân trong Hiến pháp sửa đổi có nhiều điểm mới, có nhiều sửa đổi, bổ sung. Hiến pháp sửa đổi ghi nhận nguyên tắc hạn chế quyền con người, quyền công dân. Điều 14 (khoản 2) đưa ra nguyên tắc: Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng. Như vậy, quyền con người, quyền công dân là những quyền mà con người, công dân có toàn quyền định đoạt. Đây là những quyền không thể bị tước đoạt. Bên cạnh đó, Hiến pháp sửa đổi khẳng định rõ hơn các nguyên tắc ghi nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam.

Hiến pháp sửa đổi đã sửa đổi, bổ sung nội dung nhiều điều quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp năm 1992. Cụ thể là: Điều 14: So với Điều 50 Hiến pháp năm 1992, Điều 14 của Hiến pháp sửa đổi đã không viết theo công thức quyền con người thể hiện trong quyền công dân nữa. Điều 14 đã khắc phục được điểm yếu của Điều 50 Hiến pháp năm 1992 khi quy “quyền con người” một khái niệm rộng lớn hơn vào khái niệm “quyền công dân”. Điều 15 sửa đổi Điều 51 và Điều 52 Hiến pháp năm 1992 bằng cách: Mở rộng chủ thể có quyền bình đẳng, không bị phân biệt đối xử về mọi mặt thành quyền của mọi người; nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác thành nghĩa vụ của mọi người; chuyển các quy định về trách nhiệm bảo đảm quyền con người, quyền công dân sang các chương khác của Hiến pháp (Chương I, Chương II và các chương khác). Điều 20 sửa đổi, bổ sung Điều 71 Hiến pháp năm 1992: Khẳng định mọi người đều được hưởng quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm. Tiếp theo, Điều 21 sửa đổi, bổ sung Điều 73 Hiến pháp năm 1992: Khẳng định quyền bất khả quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; Điều 26 sửa đổi, bổ sung Điều 63 Hiến pháp năm 1992: Tiếp tục khẳng định công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; ghi nhận nguyên tắc bình đẳng giới, không phân biệt đối xử về giới, nghiêm cấm phân biệt đối xử về; Điều 27 sửa đổi Điều 54 Hiến pháp năm 1992: Ghi nhận công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi mốt tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân; khẳng định việc thực hiện quyền bầu cử, ứng cử do luật định. Tại Điều Điều 28 sửa đổi, bổ sung Điều 5 Hiến pháp năm 1992 này có một bổ sung mới, đó là ghi nhận cam kết của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tham gia quyền quản nhà nước và xã hội của công dân. Điều 29 sửa đổi, bổ sung quy định của Điều 53 Hiến pháp năm 1992: Tách quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân thành một điều riêng để khẳng định tầm quan trọng của quyền này. Đây cũng là biểu hiện của việc coi trọng hình thức dân chủ trực tiếp của Nhân dân, ghi nhận độ tuổi được quyền tham gia biểu quyết: Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân. Điều 30 sửa đổi, bổ sung Điều 74 Hiến pháp năm 1992 ở hai điểm quan trọng: Khẳng định quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân là quyền của tất cả mọi người; Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Các vấn đề về chính sách y tế để bảo đảm quyền được bảo vệ chăm sóc sức khỏe được chuyển sang chương III của Hiến pháp sửa đổi.

## 3.2. KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN THIẾT KẾ HIẾN PHÁP VIỆT NAM VỀ MỤC TIÊU BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI

### 3.2.1 Ý kiến kiến nghị hoàn thiện Hiến pháp Việt Nam về mục tiêu bảo vệ quyền con người

Một trong những tiêu chí cơ bản đánh giá hiến pháp hiện hành là xem xét khả năng thực thi của hiến pháp trong đời sống thực tiễn. Một bản hiến pháp thành công là một bản hiến pháp thực chất, tức là các quy định của nó được thực thi trên thực tiễn. Nếu như các quy định hiến pháp chỉ là những tuyên ngôn chính trị có giá trị trên giấy tờ, thì hiến pháp này chỉ là một bản hiến pháp danh nghĩa. Ở nước ta, mặc dù được coi là một đạo luật cơ bản, giá trị thực thi của hiến pháp lại rất yếu. Nhà nước cần phải đổi mới hoạt động lập pháp, triển khai các chương trình cải cách tư pháp, cải cách hành chính. Các hoạt động này nhằm đẩy mạnh tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam; nâng cao hơn nữa trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân trong việc tôn trọng, bảo vệ quyền con người. Việc xây dựng mô hình cơ cấu của Hiến pháp nói chung và của chương Quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân cần dựa vào các căn cứ sau đây: Thứ nhất, mục tiêu, sứ mạng của Hiến pháp; thứ hai, vị trí và tầm quan trọng của vấn đề quyền con người, quyền công dân; thứ ba, cam kết quốc tế của Việt Nam về tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người; thứ tư, cách thức ghi nhận quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp của các quốc gia trên thế giới; thứ năm, kinh nghiệm lập hiến của Việt Nam về quy định quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân.

Mục đích cuối cùng của một bản hiến pháp bất kỳ sau khi xác lập chế độ chính trị, các nguyên tắc cơ bản của việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước hay các thiết chế liên quan khác, đều là nhằm khẳng định và bảo đảm các quyền và tự do cơ bản của công dân và tất cả mọi người, đều nhằm bảo đảm hạnh phúc của nhân dân. Bên cạnh đó nâng cao về sự mở rộng nội hàm, chủ thể của các quyền con người. Các chủ thể thụ hưởng các quyền nên được mở rộng, từ việc chỉ thuộc về “công dân” đến “mọi người”, “nhóm” (đặc biệt là những nhóm dễ bị tổn thương), điều này hết sức quan trọng trong việc nội luật hóa các Công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, phù hợp với xu hướng ngày càng tiến bộ, theo hướng hội nhập và phát triển. Như vậy, đã tránh được sự nhầm lẫn giữa quyền con người và quyền công dân thường mắc phải trong các bản Hiến pháp trước đó.

Tiếp theo, cần nâng cao yêu cầu bảo vệ nhân phẩm vì nó là một trong những yêu cầu quan trọng của việc bảo vệ quyền con người, nó thuộc về tất cả mọi người. Điều này vô cùng ý nghĩa trong thực tiễn tôn trọng, bảo đảm các quyền con người cho tất cả mọi cá nhân và nhóm xã hội. Xét từ cơ sở lý luận và thực tiễn, từ kinh nghiệm quốc tế và khu vực, có thể khẳng định rằng, chế định bảo vệ nhân phẩm cho tất cả mọi người là một điểm quan trọng trong Hiến pháp năm 2013.

Đặc biệt phải nói đến việc bổ sung nguyên tắc hiến định về việc giới hạn quyền hay khi nào quyền con người có thể bị hạn chế. Nguyên tắc này vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và của tất cả mọi người, là yêu cầu bắt buộc của một nhà nước pháp quyền, dân chủ và tiến bộ. Hiến pháp cần nhấn mạnh khẳng định việc tôn trọng các quyền và tự do của mỗi người phải trong mối quan hệ với việc tôn trọng quyền và tự do của người khác.

Điềuquan trọng đặc biệt nhấn mạnh là vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm các quyền con người, nhất là các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa (như quyền được giáo dục, quyền về sức khỏe, quyền được hưởng trợ cấp xã hội...). Nhấn mạnh đến vai trò, trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền con người là hoàn toàn phù hợp với bản chất tốt đẹp của chế độ XHCN. Hiến pháp cần phải hiến định các thiết chế độc lập nhằm tăng cường các cơ chế thực hiện quyền con người.

### 3.2.2 Biện pháp hoàn thiện Hiến pháp Việt Nam về mục tiêu bảo vệ quyền con người

Tóm lại, để thiết kế Hiến pháp đi vào cuộc sống và hoàn thành mục tiêu bảo vệ quyền con người, cần chú trọng ưu tiên một số biện pháp sau:

- Một là, cần rà soát hệ thống pháp luật và chính sách hiện nay liên quan đến các quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân. Bao gồm việc sửa đổi, bổ sung một số Bộ luật, luật liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

- Hai là, tăng cường trách nhiệm giải trình trong việc thi hành Hiến pháp của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn xã hội. Trách nhiệm giải trình là một trong những nguyên tắc nền tảng của nhà nước pháp quyền và chế độ dân chủ. Trách nhiệm thi hành Hiến pháp và tôn trọng, bảo đảm và thực hiện quyền con người nói chung, trước hết thuộc về các cơ quan nhà nước và các cấp chính quyền (từ trung ương xuống địa phương). Vì vậy, cần tăng cường các cơ chế giải trình, tính chịu trách nhiệm trong việc thi hành Hiến pháp.

- Ba là, tăng cường vai trò và trách nhiệm của Quốc hội và đại biểu Quốc hội trong việc thực hiện chức năng giám sát tối cao của Quốc hội đối với việc thi hành Hiến pháp và thực hiện quyền con người.

- Bốn là, tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp đối với việc tổ chức, triển khai thi hành Hiến pháp ở địa phương. Đồng thời tăng cường sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân...), và các tổ chức xã hội, tổ chức cộng đồng, tự quản trong việc tham gia vào giám sát quá trình thi hành Hiến pháp và quá trình thực thi chính sách ở địa phương.

- Năm là, tăng cường giáo dục, phổ biến, tuyên truyền về những nội dung của Hiến pháp năm 2013, đặc biệt là các quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, tới mọi tầng lớp nhân dân. Đây là những chủ thể có trách nhiệm chính trong việc tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền con người. Đồng thời, cần tăng cường giáo dục, phổ biến, tuyên truyền Hiến pháp và Chương chế định về quyền con người cho tất cả các chủ thể có quyền cũng như các cá nhân và nhóm xã hội.

# DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ (2001), Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2001 đến 2010, Hà Nội.
2. Nguyễn Đăng Dung (1996), Tổ chức Chính quyền Nhà nước ở địa phương (Lịch sử và hiện đại), Nxb Đồng Nai.
3. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
4. Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật (2013),“Tư tưởng về quyền con người - Tuyển tập tư liệu thế giới và Việt Nam”*,* *Phần I “Tư tưởng về quyền con người trong lịch sử nhân loại”*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội, tr.10 - 352
5. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, (2018), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người* (dành cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị), Nxb Lý luận chính trị, tr.09 - tr.59
6. Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật (2015), *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người”,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
7. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm Nghiên cứu quyền con người (2003), *Quyền con người ở Trung Quốc và Việt Nam,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Nguyễn Đăng Dung (1996), Tổ chức Chính quyền Nhà nước ở địa phương (Lịch sử và hiện đại), Nxb Đồng Nai.
9. Nguyễn Đăng Dung (1998), “Học thuyết phân chia quyền lực - sự áp dụng trong các tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ở một số nước”, Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật.
10. Nguyễn Đăng Dung (2011), “Cải cách chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp theo nguyên tắc tôn trọng quyền con người”, Nghiên cứu lập pháp.
11. Nguyễn Đăng Dung (2004), Sự hạn chế quyền lực nhà nước, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
12. Nguyễn Đăng Dung (2011), “Cải cách chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp theo nguyên tắc tôn trọng quyền con người”, Nghiên cứu lập pháp.
13. Lê Sĩ Dược (2000), Cải cách bộ máy hành chính cấp Trung ương trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Nguyễn Văn Động (2004), “Các quyền hiến định của công dân và bảo đảm pháp lí ở nước ta”, Tạp chí Luật học, (1), tr.23-26.
15. Nguyễn Văn Động (2005), Quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Trần Ngọc Đường (2004), Quyền con người, quyền công dân trong nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Trần Ngọc Đường (2005), “Cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản, (5), tr. 30-34.
18. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Trung tâm nghiên cứu quyền con người (1997), Các văn kiện quốc tế về quyền con người, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
19. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Trung tâm nghiên cứu quyền con người (2002), Những nội dung cơ bản về quyền con người, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
20. Đỗ Quang Hưng (2005), Vấn đề “Tự do tôn giáo - nhân quyền ở Việt Nam, Tạp chí Cộng sản, (11), tr. 45-49.
21. Tường Duy Kiên (2003), “Nhà nước - Cơ chế bảo đảm quyền con người”, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, (2), tr.28-32.
22. Tường Duy Kiên (2004), Đảm bảo quyền con người trong hoạt động của Quốc hội Việt Nam, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viên chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
23. Tường Duy Kiên (2005), “Tăng cường hoạt động lập pháp bảo vệ quyền con người đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (5), tr.34-41.
24. Nguyễn Văn Mạnh (1995), Xây dựng và hoàn thiện đảm bảo pháp lý thực hiện quyền con người trong điều kiện đổi mới ở nước ta hiện nay, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viên chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
25. Đỗ Mười (1992), Sửa đổi Hiến pháp xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, Nxb Sự thật, Hà nội.
26. Tạ Quang Ngọc (2005), “Bảo vệ quyền con người ở Việt Nam: chính sách và pháp luật trong điều kiện đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (8), tr. 50-54.
27. Nguyễn Thị Phượng (2006), “Vài nét về hoạt động bảo đảm quyền công dân của chính quyền địa phương ở nước ta hiện nay”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (8), tr. 13.

# DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Hiến pháp năm 1946 *(hết hiệu lực)*
2. Hiến pháp năm 1959 *(hết hiệu lực)*
3. Hiến pháp năm 1980 *(hết hiệu lực)*
4. Hiến pháp năm 1992 *(hết hiệu lực)*.
5. Hiến pháp năm 2013.
6. Luật tổ chức Chính phủ 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
7. Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em Quốc hội 2004.
8. Quốc hội (2002), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi) (2002), Hà Nội.
9. Nguyễn Đăng Dung (2004), Sự hạn chế quyền lực nhà nước, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Chính phủ (2014), Báo cáo Quốc gia kiểm định định kỳ thực hiện quyền con người ở Việt Nam, Hà Nội.
15. Bộ Tư pháp (2003), Xây dựng cẩm nang về đấu tranh bảo vệ quyền con người ở Việt Nam, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (1999), Văn kiện hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), Văn kiện Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương khóa IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khoá X, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
20. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004), Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, Hà Nội.